

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam

TS Khổng Quốc Minh

Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ (KH&CN), đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế, hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ (SHTT) của Việt Nam không ngừng được hoàn thiện theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; kế thừa giá trị của các văn bản pháp luật đã được ban hành, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể, bảo đảm cân bằng lợi ích quốc gia và sự tương thích với các điều ước quốc tế. Cụ thể hơn là bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hoạt động sáng tạo; khuyến khích hoạt động sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ trong mọi lĩnh vực.

Sự phát triển của pháp luật SHTT Việt Nam

Năm 1976, Việt Nam tuyên bố thừa nhận Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp (SHCN) và Thỏa ước Madrid về Đăng ký nhãn hiệu quốc tế và kế thừa vị trí thành viên mà Việt Nam đã có từ năm 1949. Năm 1981, Việt Nam tuyên bố thừa nhận Công ước Stockholm về việc Thành lập Tổ chức SHTT Thế giới (WIPO), đánh dấu cột mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế về SHTT. Pháp luật SHTT từng bước được hình thành với sự ra đời của Nghị định số 31/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 23/01/1981 ban hành Điều lệ về Cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế. Lần đầu tiên sáng chế được coi là một đối tượng được pháp luật bảo hộ dưới dạng cấp Bằng tác giả sáng chế, đánh dấu mốc quan trọng cho sự hình thành pháp luật SHTT. Tiếp đó, sự ra

đời của Nghị định số 142/HĐBT ngày 14/12/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật - công trình khoa học; Nghị định số 85/HĐBT ngày 13/5/1988 ban hành Điều lệ về Kiểu dáng công nghiệp; Nghị định số 200/HĐBT ngày 28/12/1988 ban hành Điều lệ về Giải pháp hữu ích đã tạo được khung pháp lý về bảo hộ các đối tượng SHTT quan trọng như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tác phẩm.

Sự ra đời của Pháp lệnh Bảo hộ quyền SHCN số 13-LCT/HĐNN8 ngày 28/01/1989; Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả số 38-L/CTN ngày 10/12/1994 đã tạo bước ngoặt phát triển lần thứ nhất của pháp luật SHTT, nhất là pháp luật quyền SHCN: Chính thức bãi bỏ hình thức bảo hộ sáng chế dưới dạng cấp Bằng tác giả sáng chế, chỉ áp dụng hình thức

bảo hộ độc quyền; cụm từ “Sở hữu công nghiệp” lần đầu được sử dụng trong văn bản pháp luật; sáng chế và các đối tượng SHCN khác được coi là một loại tài sản và là đối tượng của quyền sở hữu; quy định bảo hộ mở rộng cho tên gọi xuất xứ hàng hoá nhằm phát huy thế mạnh của các đặc sản địa phương. Đây là cơ sở tạo điều kiện khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo và cân bằng lợi ích vật chất do các đối tượng quyền SHTT mang lại và lợi ích công cộng.

Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1994 và nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 1995, buộc pháp luật SHTT Việt Nam phải được xây dựng, đổi mới với mục tiêu tổng quát là làm cho hoạt động bảo hộ SHTT của Việt Nam phù hợp hoàn toàn với Hiệp

định về Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT (TRIPS), đồng thời xây dựng năng lực của các cơ quan quản lý SHTT, nhất là quản lý SHTT ở địa phương; cơ quan thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về SHCN, cũng như nâng cao hiểu biết của công chúng về các vấn đề SHTT. Pháp luật SHTT Việt Nam giai đoạn này đã đạt được những bước đổi mới từ hoạt động bảo hộ SHTT “chưa phù hợp” đến “phù hợp” hoàn toàn với Hiệp định TRIPS. Một số văn bản điển hình: Bộ luật Dân sự 1995 (Phần VI - Quyền SHTT và Chuyển giao công nghệ); Nghị định 63/CP ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về SHCN; Nghị định 76/CP ngày 29/11/1996 hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự; Nghị định số 54/2000/NĐ-CP ngày 03/10/2000 về Bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới SHCN; Nghị định số 42/2003/NĐ-CP ngày 02/5/2003 về Bảo hộ quyền SHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. Kết quả xây dựng, đổi mới pháp luật bảo hộ SHTT của Việt Nam để “phù hợp hoàn toàn” với Hiệp định TRIPS là Luật SHTT số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được ban hành và Bộ luật Dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005. Luật SHTT ra đời cùng với Bộ luật Dân sự đã tạo thành một hệ

thống các quy định hoàn chỉnh và thống nhất về quyền SHTT.

Năm 2007, Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO, đánh dấu quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia các điều ước, hiệp định quốc tế về SHTT sau:

- Các điều ước quốc tế đa phương về SHTT như: Công ước Rome về Bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng (Công ước Rome), Công ước Brussels về Phân phối tín hiệu mang chương trình mã hóa truyền qua vệ tinh (Công ước Brussel), Công ước Geneva Bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép trái phép (Công ước Geneva), Công ước quốc tế về Bảo hộ giống cây trồng mới (Công ước UPOV), Hiệp ước WIPO về Quyền tác giả (WCT), Hiệp ước WIPO về Buổi biểu diễn và bản ghi âm (WPPT), Hiệp ước Hợp tác sáng chế (Hiệp ước PCT), Thỏa ước Madrid về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (Hệ thống Madrid), Thỏa ước La-Hay về Đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp (Thỏa ước La-Hay), Hiệp ước Budapest về Công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế (Hiệp ước Budapest).

- Các điều ước quốc tế song phương có quy định về SHTT: Hiệp định về Bảo hộ SHTT và hợp tác trong lĩnh vực SHTT giữa Việt Nam và Thụy Sĩ; Hiệp định Thương mại Việt Nam - Mỹ; Hiệp

định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản; Hiệp định giữa Việt Nam và Liên bang Nga về hợp tác trong lĩnh vực SHTT; Hiệp định hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga về việc bảo hộ lẫn nhau các quyền đối với các kết quả hoạt động trí tuệ được sử dụng và thu nhận trong quá trình hợp tác kỹ thuật quân sự; Hiệp định khung về Hợp tác và Đối tác toàn diện Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Chile; Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc; Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu; Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

- Các hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương: Hiệp định khung ASEAN về hợp tác SHTT; Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc; Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN - Australia - New Zealand; Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Sau khi gia nhập WTO (2007), pháp luật SHTT Việt Nam được xây dựng theo hướng phù hợp, đầy đủ và đáp ứng chuẩn mực quốc tế về SHTT trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT được ban hành tháng 6/2009 (Luật số 36/2009/QH12) để phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đất nước và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Diễn đàn Khoa học và Công nghệ

Trong các FTA được ký kết và có hiệu lực trước năm 2016, phần lớn các nghĩa vụ về SHTT mà Việt Nam cam kết cơ bản đều dẫn chiếu tới các nghĩa vụ đã cam kết tại Hiệp định TRIPS. Chỉ một số ít hiệp định có các quy định cụ thể, cao hơn hoặc chi tiết hơn Hiệp định TRIPS, nhưng các quy định này hoặc đã phù hợp với pháp luật SHTT Việt Nam, hoặc chủ yếu ở dạng không bắt buộc, chỉ đòi hỏi các bên phải nỗ lực thực hiện.

Tuy nhiên, việc Việt Nam phê chuẩn Nghị định thư sửa đổi Hiệp định TRIPS (năm 2017), cùng với việc tham gia 2 FTA thế hệ mới EVFTA và CPTPP được coi là bước đột phá trong quan hệ kinh tế quốc tế. Bên cạnh những quy định chung, bảo hộ các đối tượng của quyền SHTT, thực thi quyền SHTT như các FTA vốn có trước đây thì EVFTA, CPTPP còn có các cam kết SHTT ở mức độ cao và toàn diện hơn; phạm vi các vấn đề điều chỉnh đa dạng, bao trùm nhiều lĩnh vực. Để đáp ứng những nghĩa vụ phải thi hành ngay của CPTPP, Luật SHTT đã được sửa đổi, bổ sung lần 2 năm 2019 (Luật số 42/2019/QH14 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật SHTT). Mục tiêu đổi mới của giai đoạn hiện nay là tiếp tục hoàn thiện pháp luật SHTT, đáp ứng cam kết về SHTT trong các FTA thế hệ mới, đồng thời hoàn thiện hoạt động bảo hộ SHTT từ “phù hợp”, “đầy đủ” sang “hiệu

quả”. Hoạt động bảo hộ SHTT “hiệu quả” được thể hiện ở chính sách: đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả; khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, thủ tục xác lập quyền SHCN; đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền SHTT; tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT, nhất là hoạt động đại diện SHCN, giám định về SHTT.

Theo đó, nhằm nội luật hóa các cam kết về SHTT và thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, ngày 16/6/2022, Quốc hội đã chính thức thông qua và ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT. Trong 3 lần sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT, lần sửa đổi, bổ sung này được coi là lớn nhất, đồ sộ nhất và bao quát nhiều vấn đề như: quy định rõ ràng và cụ thể hơn các nội dung liên quan đến xác định chủ thể nắm giữ quyền tài sản, tạo thuận lợi cho quá trình chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan; các quy định liên quan đến bảo

hộ và thực thi quyền SHTT được sửa đổi, hoàn thiện để bảo đảm mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng giữa một bên là quyền lợi của chủ thể quyền và một bên là quyền sử dụng, quyền tiếp cận tri thức, công nghệ của xã hội.

Xu hướng bảo hộ quyền SHTT trong hội nhập kinh tế quốc tế

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, sự hình thành một cách có chủ đích giữa pháp luật về thương mại và chính sách SHTT khi mà một số nước đi trước (thường là các nước phát triển) bắt đầu sử dụng biện pháp thương mại để kiểm chế việc xâm phạm quyền SHTT ở nước ngoài. Quyền SHTT được đưa vào làm một trong các nội dung quan trọng thuộc khuôn khổ đàm phán thương mại đa phương hoặc song phương. Các nước đi trước muốn thiết lập các chuẩn mực mang tính toàn cầu về bảo hộ SHTT có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các nước phát triển và đang phát triển, bao gồm thực thi và biện pháp biên giới. Đối với các nước phát triển, bảo hộ chặt chẽ quyền SHTT nhằm thực hiện 2 mục tiêu: (i) khuyến khích phát triển công nghệ và cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ vốn đầu tư cho các chủ thể quyền SHCN; (ii) gây sức ép lên các nước khác trong hội nhập kinh tế, hạn chế các xâm phạm quyền SHCN tại các nước khác, nhất là các nước đang phát triển. Các quốc gia phát triển luôn kêu gọi các nước đang phát triển xây dựng cơ chế bảo hộ SHTT mạnh

để đảm bảo lợi ích của mình, còn các nước nghèo lại muốn trì hoãn quá trình này để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước tìm kiếm và khai thác lợi ích từ các kẽ hở của cơ chế bảo hộ SHTT chưa hoàn thiện đó. Theo đó, xu hướng đàm phán FTA nhằm tăng cường quyền SHTT được các nước coi là công cụ toàn diện thúc đẩy hợp tác, phát triển kinh tế và bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh. Các FTA đều hướng tới tăng cường quyền SHTT, thiết lập những chuẩn mực quốc tế mới, cao hơn các chuẩn mực quốc tế hiện nay. Các nước phát triển nỗ lực đưa ra nguyên tắc đàm phán bảo hộ mạnh mẽ hơn tại WIPO hoặc WTO.

Chuẩn mực quốc tế về SHTT trong CPTPP cao hơn các FTA trước đây, nhưng thấp hơn trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) vì một số điều khoản về SHTT trong TPP đã tạm đình chỉ hoặc thay đổi, nhất là các điều khoản về SHTT ban đầu được đưa vào theo yêu cầu của Mỹ. Ví dụ như, phương pháp sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết, hoặc quy trình sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết; điều chỉnh thời hạn bằng sáng chế do sự chậm trễ của cơ quan cấp bằng sáng chế, điều chỉnh thời hạn bằng sáng chế cho sự cắt giảm không hợp lý; bảo hộ dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu bí mật khác; sinh phẩm; thời hạn bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan; các biện pháp

công nghệ bảo vệ quyền; bảo hộ tín hiệu vệ tinh, tín hiệu cáp đã được mã hóa; chế tài pháp lý và khu vực an toàn. Trong tương lai, dù Mỹ có tham gia CPTPP hay không thì các chuẩn mực quốc tế về SHTT nêu trong TPP vẫn là các chuẩn mực về SHTT mà các FTA trong tương lai hướng tới.

*
* *

Việt Nam tham gia WTO năm 2007, đánh dấu quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Kể từ đó, Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước quốc tế nói chung và các điều ước quốc tế nói riêng về SHTT hoặc đề cập đến SHTT, trong đó có 16 điều ước quốc tế về bảo hộ và đăng ký quốc tế quyền SHTT do WIPO quản lý. Điều này đã từng bước thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của pháp luật SHTT Việt Nam theo hướng phù hợp, đầy đủ và đáp ứng chuẩn mực quốc tế về SHTT. Đặc biệt, việc Việt Nam tham gia 2 FTA thế hệ mới CPTPP, EVFTA, một lần nữa giúp pháp luật SHTT Việt Nam đổi mới và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT là một tất yếu, được coi là tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thúc đẩy hiệu quả hoạt động bảo hộ SHTT tại Việt Nam. Trong tương lai, Việt Nam chắc chắn tham gia nhiều FTA song phương và đa phương có các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT cao và các biện pháp chế tài xử lý vi phạm SHTT được quy định chặt chẽ. Do đó, Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển pháp luật SHTT trên

cơ sở duy trì một hệ thống SHTT cân bằng theo các chuẩn mực chung, mang tính toàn cầu, trong đó chú trọng tính đầy đủ và hiệu quả, nhằm sử dụng SHTT như một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế - xã hội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tuấn Anh (2011), *Quản lý nhà nước về SHTT*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Phạm Đình Chương (2007), *Hiệp định SHTT của WTO: Các vấn đề pháp lý và thực tiễn đặt ra cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học: "Việt Nam gia nhập WTO: Thuận lợi, thách thức và vai trò của Quốc hội".
3. Cục SHTT (2022), *Báo cáo Tổng quan Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT và một số vấn đề chung về SHCN*, Hội thảo "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT - Những vấn đề cần lưu ý".
4. Nguyễn Bá Diến (2010), *Thực thi quyền SHTT trong tiến trình hội nhập quốc tế: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Khổng Quốc Minh (2019), "SHTT Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế: Cơ hội, thách thức và kiến nghị cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, **6(723)**, tr.13-16.